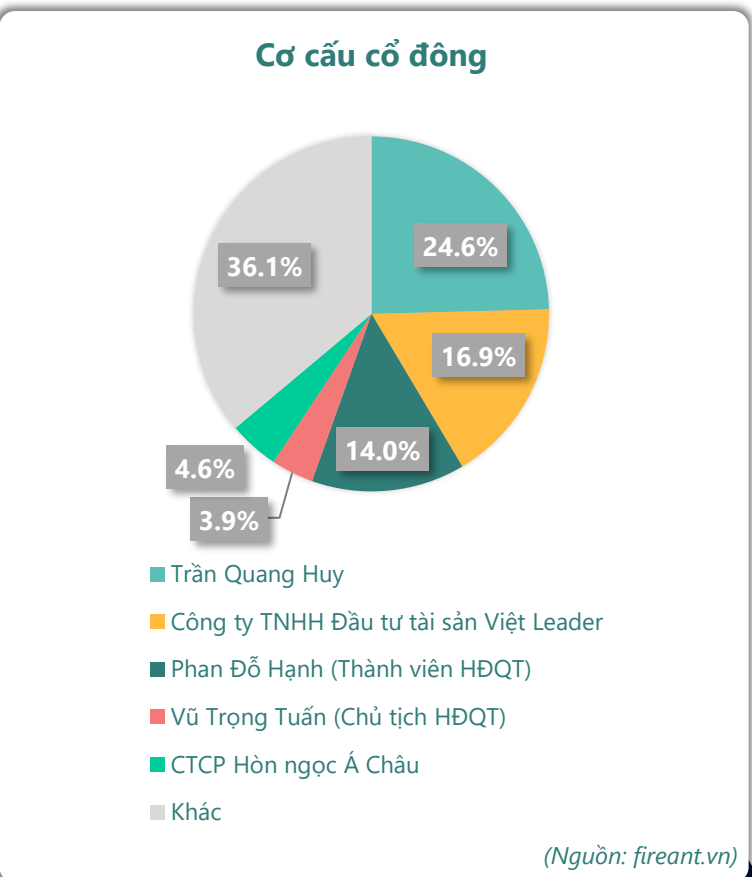
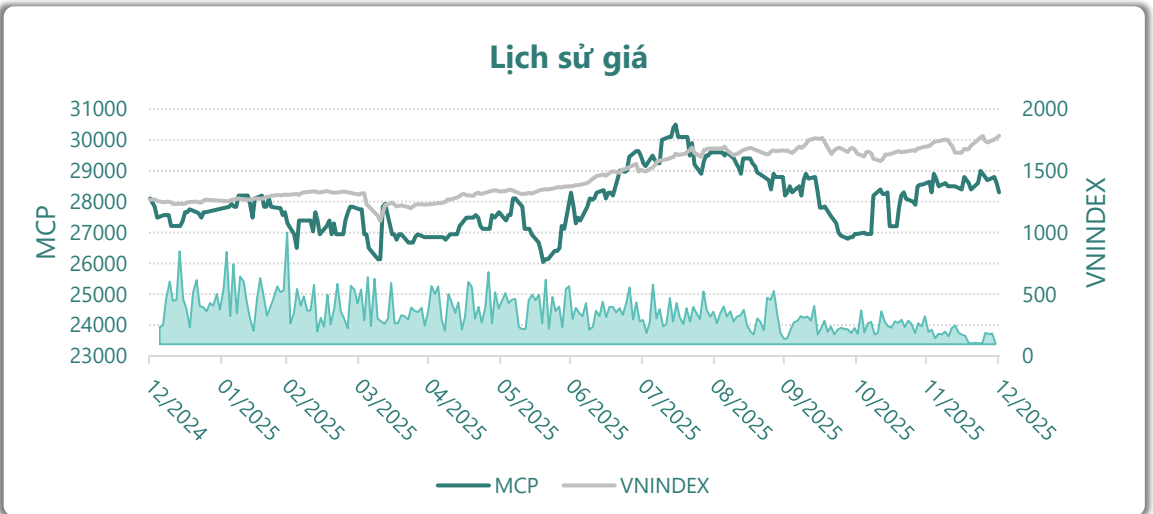
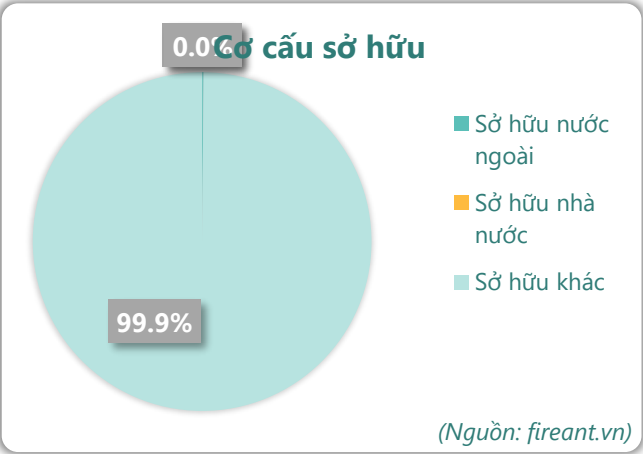


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

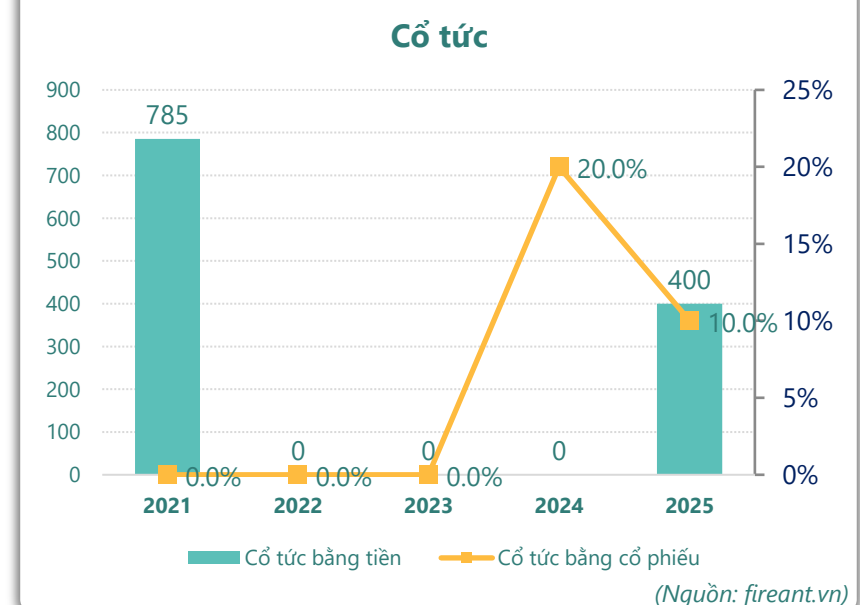
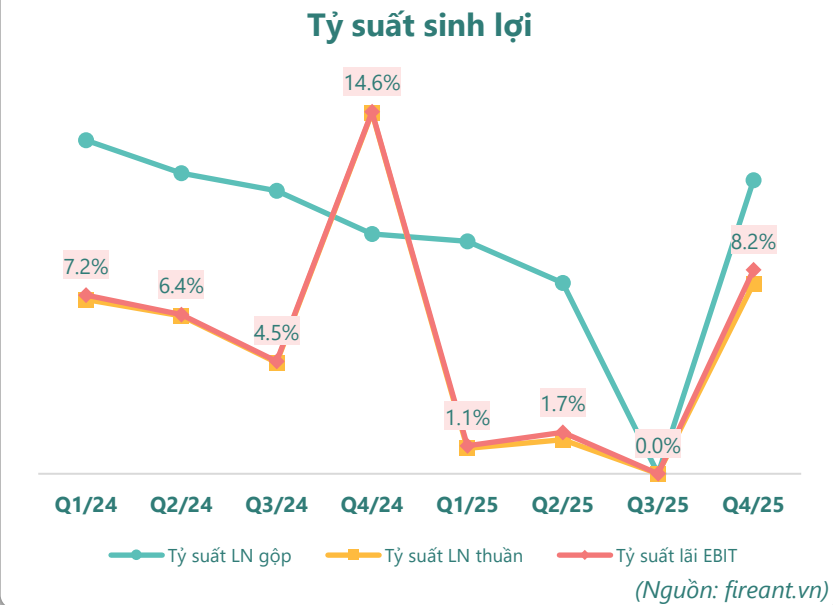
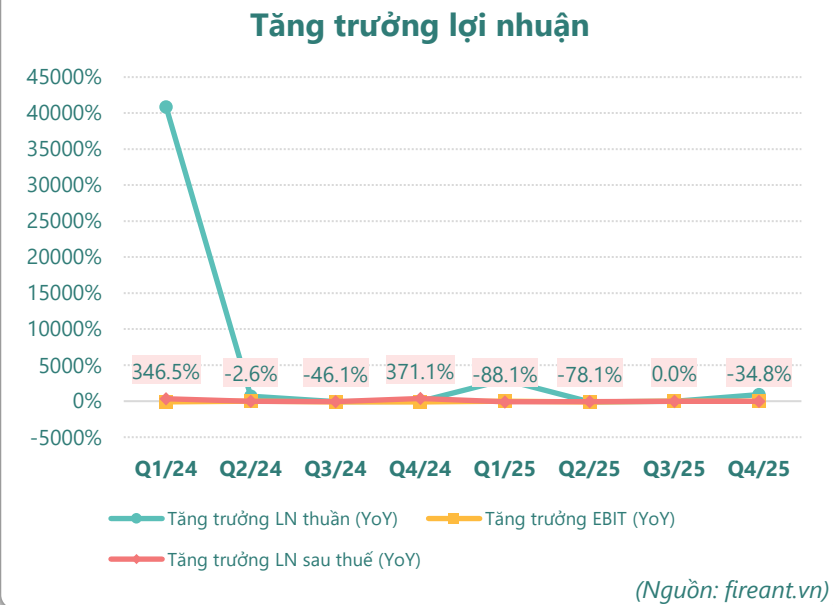
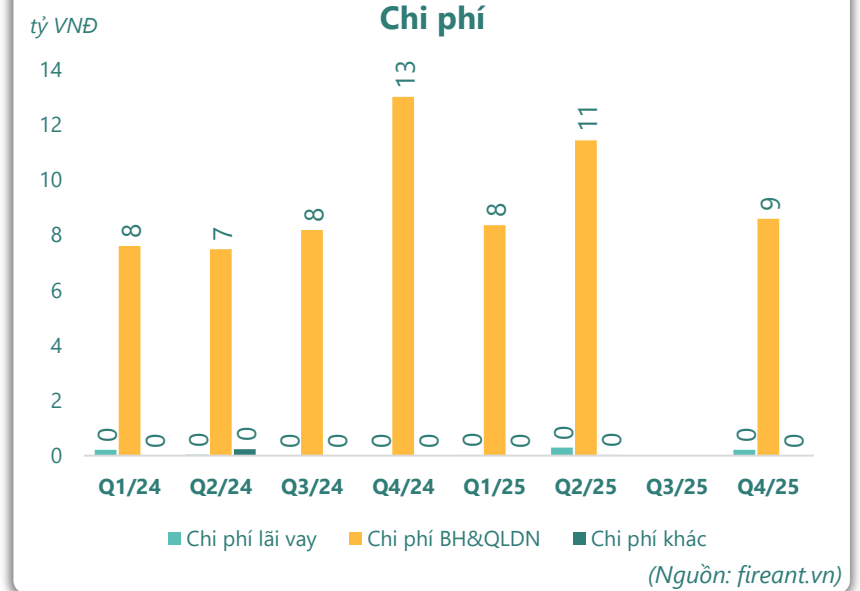
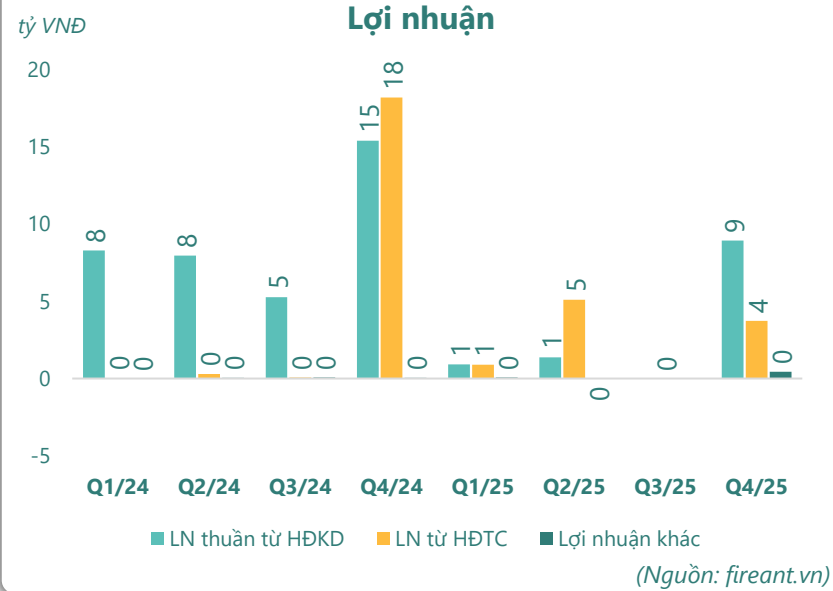
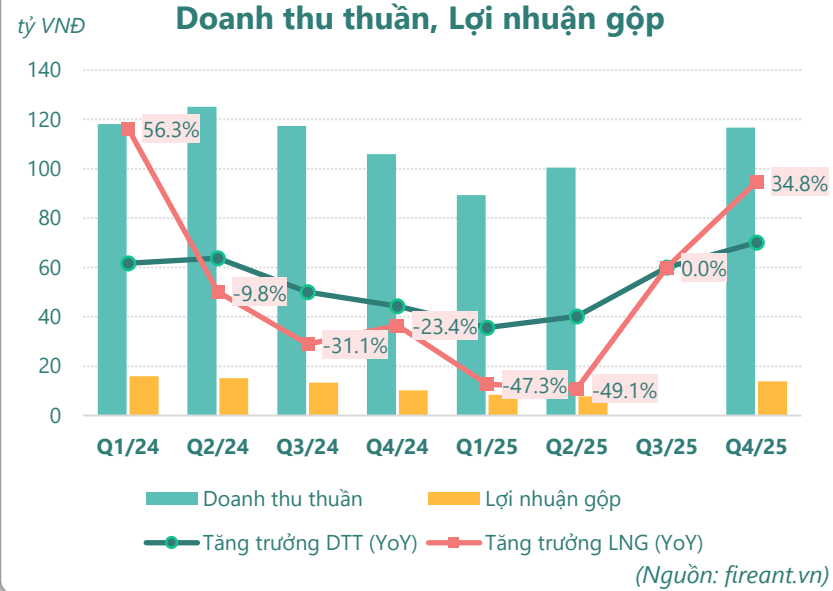
CTCP In và Bao bì Mỹ Châu

Ngày 31/12/2025	28,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.6%	0.4%	0.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	26,044 - 30,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	562
Số lượng CPLH (CP)	19,868,149
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,260
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.12
EPS	
P/E	



KẾT QUẢ KINH DOANH

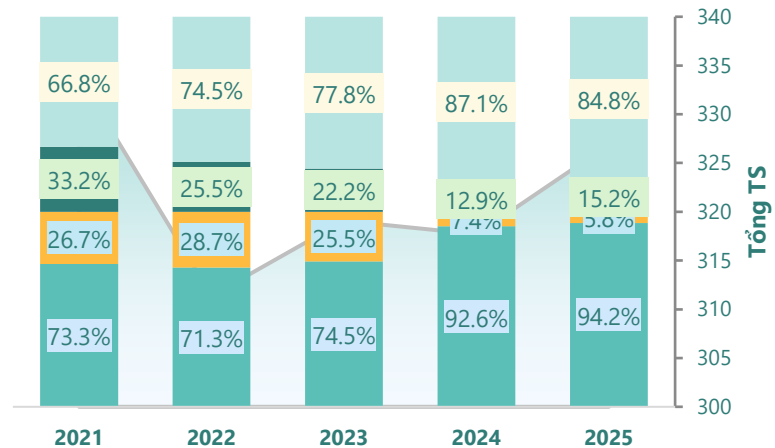




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

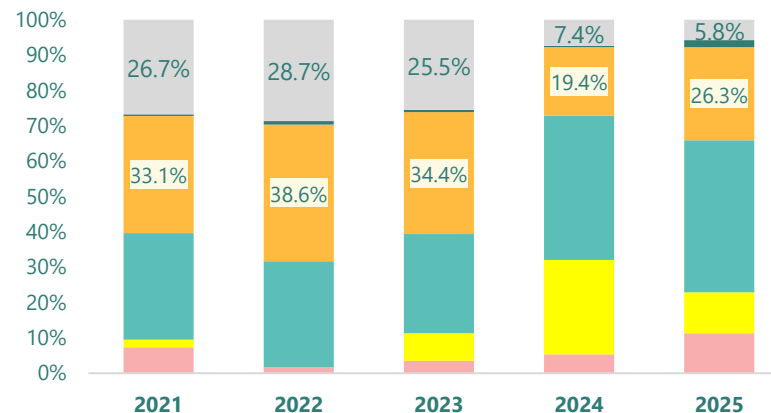
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

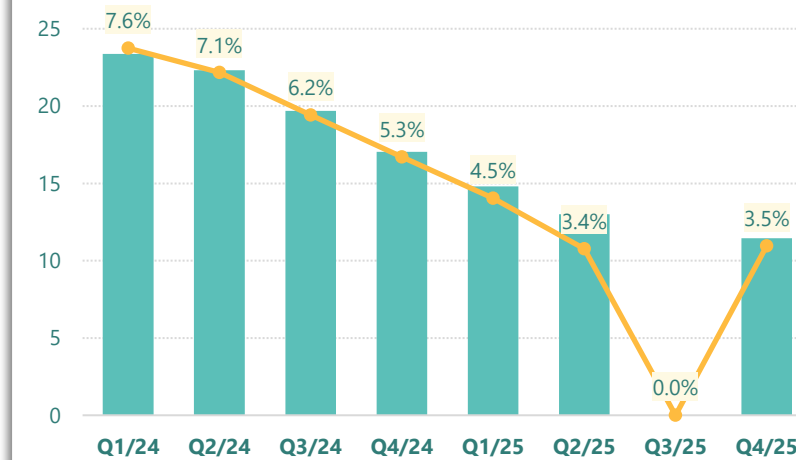


Tiền và Đ.Tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

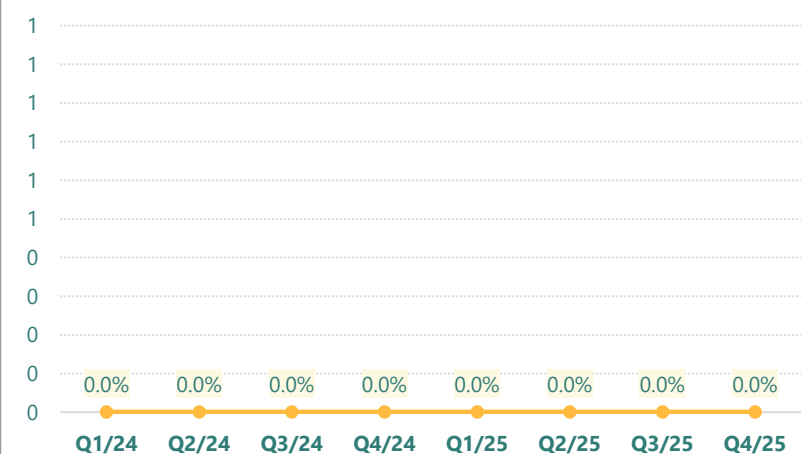


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

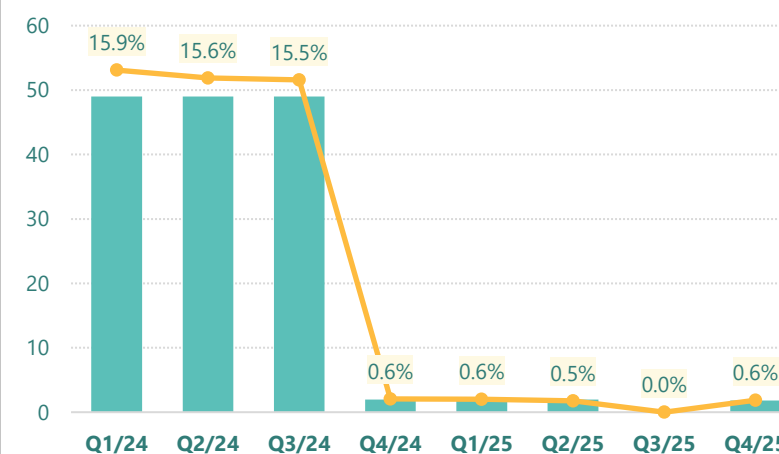


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

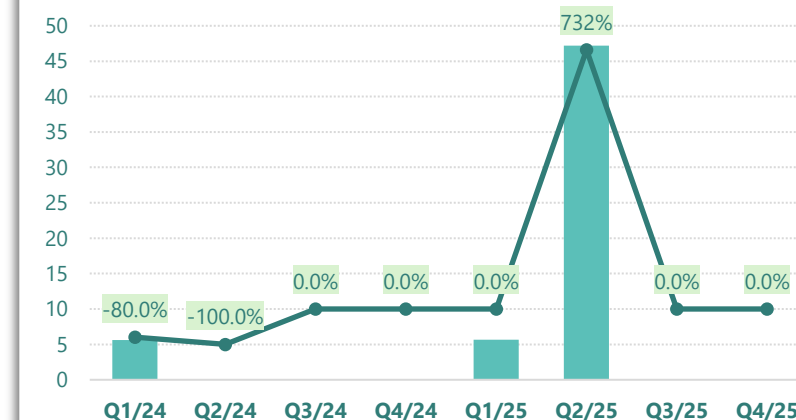


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



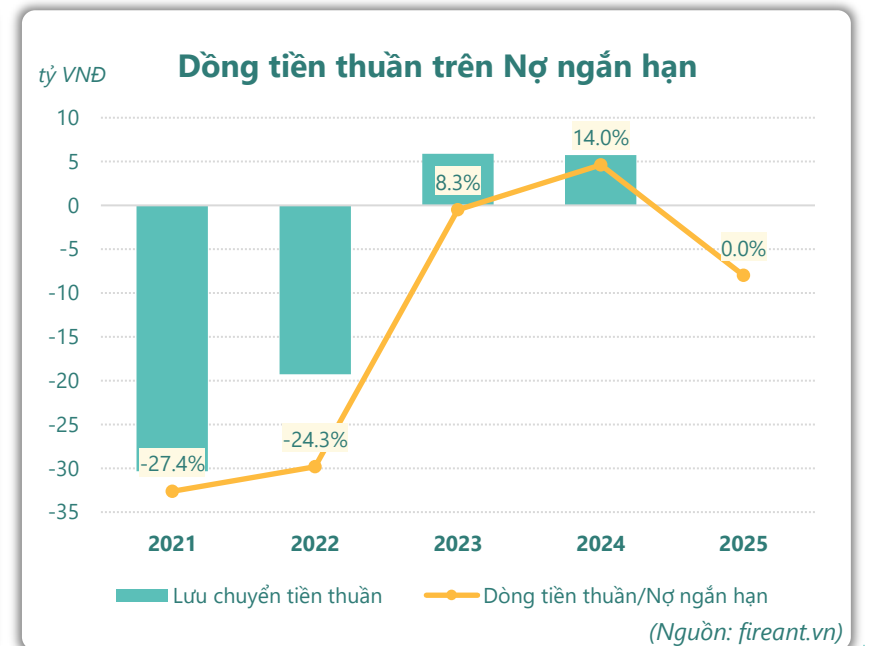
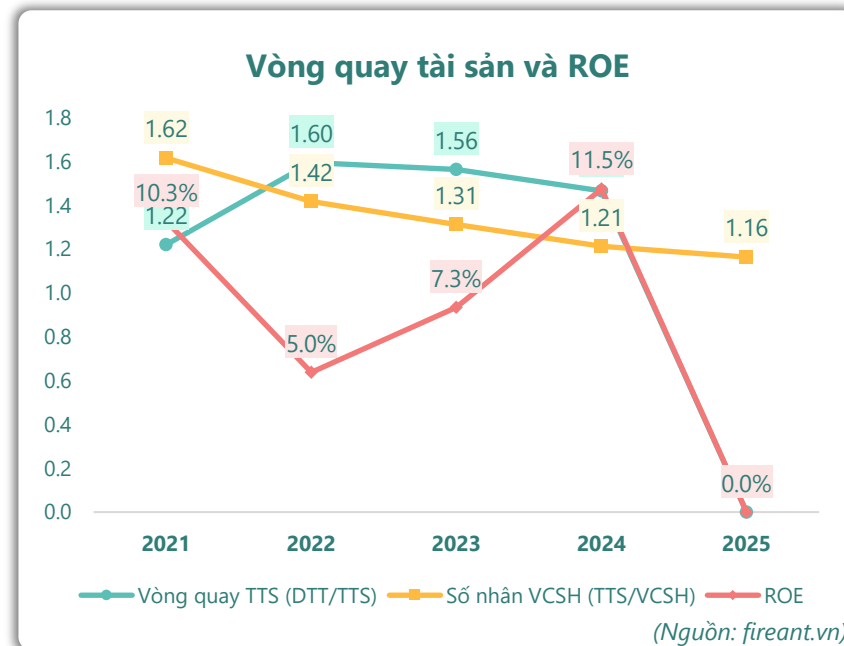
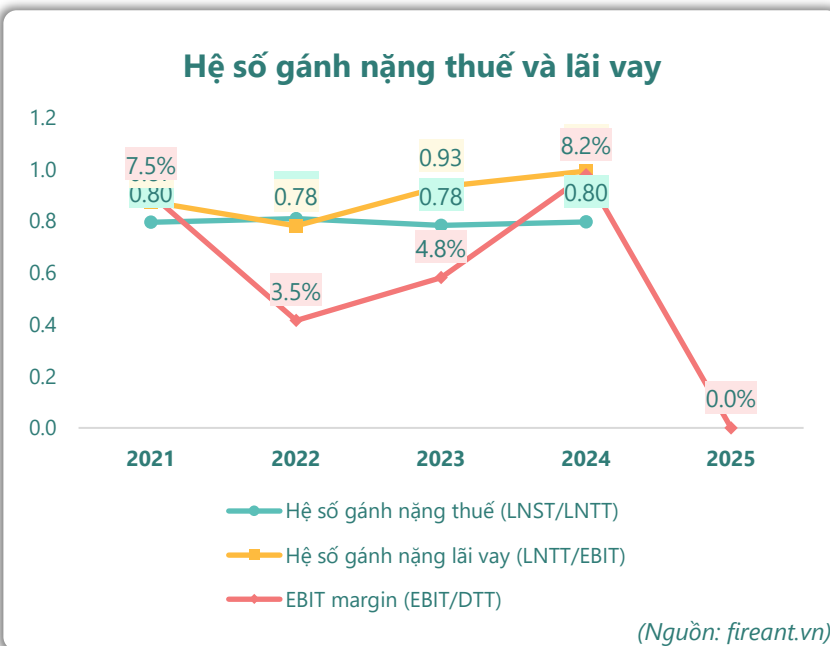
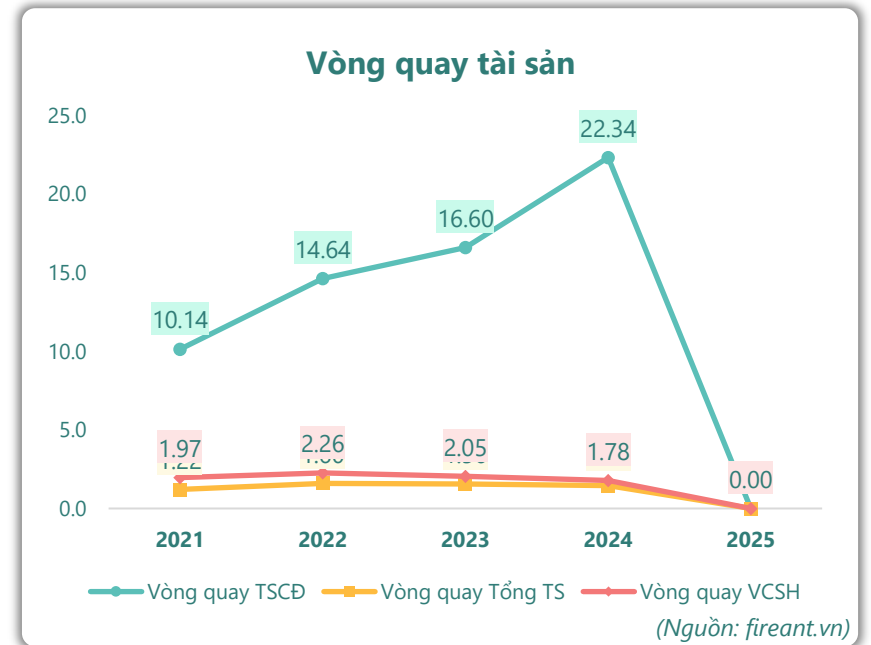
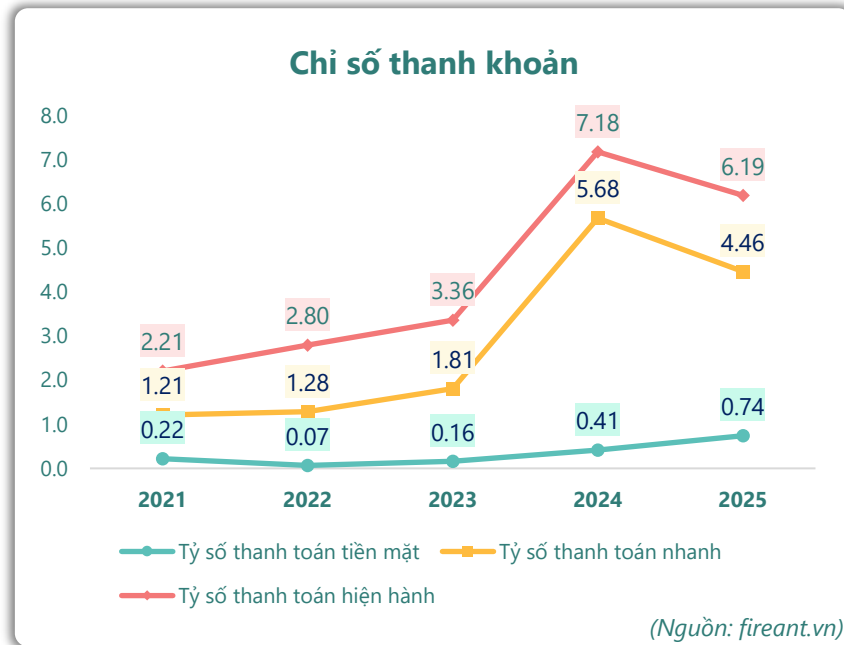
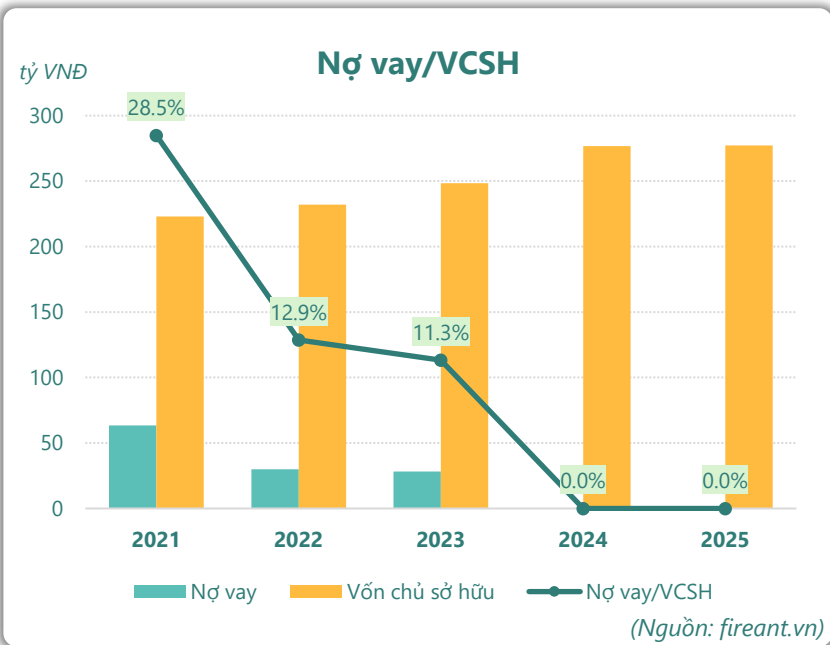
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	117	106	10.1%		467	
Giá vốn hàng bán	103	95.7	7.5%		411	
Lợi nhuận gộp	13.8	10.3	34.1%		55.5	
Doanh thu HĐTC	4.08	18.6	-78.1%		20.3	
Chi phí TC	0.35	0.44	-20.6%		1.66	
Chi phí lãi vay	0.21	0.00			0.25	
LN trong công ty LKLD	0	0.00			0	
Chi phí bán hàng	2.95	3.37	-12.4%		14.6	
Chi phí QLDN	5.64	9.66	-41.6%		21.9	
LN thuần từ HĐKD	8.95	15.4	-41.9%		37.6	
Lợi nhuận khác	0.44	0.04	1000%		0.15	
LN trước thuế	9.39	15.5	-39.4%		37.8	
Lợi nhuận sau thuế	7.43	12.5	-40.5%		30.1	
LNST của CĐ cty mẹ	7.43	12.5	-40.5%		30.1	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.1	21.8	0.84	-37.5	0	13.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.5	-23.4	-11.7	-6.58	0	41.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	5.67	41.5	0	-22.5
Tiền đầu kỳ	6.93	18.6	15.9	10.7	0	3.82
Lưu chuyển tiền thuần	11.7	-1.65	-5.18	-2.53	0	33.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.6	16.9	10.7	9.20	0	36.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	327	318	2.9%
Tài sản ngắn hạn	308	294	4.7%
Tiền và tương đương tiền	36.8	16.9	118%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.0	85.0	-55.3%
Phải thu ngắn hạn	141	130	8.6%
Hàng tồn kho	86.0	61.6	39.5%
Tài sản ngắn hạn khác	6.53	1.17	457%
Tài sản dài hạn	18.9	23.5	-19.7%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	11.5	17.0	-32.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.83	1.97	-7.0%
Tài sản dài hạn khác	5.56	4.45	24.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	49.8	41.0	21.4%
Nợ ngắn hạn	49.8	41.0	21.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	28.0	16.0	74.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	277	277	0.2%
Vốn chủ sở hữu	277	277	0.2%
Vốn điều lệ	199	181	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

